

Bản án số: 525/2021/HS-ST

Ngày: 17/12/2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thúy Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng;

2. Bà Nguyễn Thị Lượng;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trường Giang- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Quý- Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 500/2021/TLST- HS ngày 25 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 634/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

**Lê N H**, sinh năm: 1990, tại B Định; thường trú: thôn C, thị trấn t P, huyện T P, tỉnh B; nơi ở hiện nay: Nhà không số, hẻm 30 đường T, khu phố 8, phường H, thành phố T, Thành phố M; nghề nghiệp: sửa chữa điện thoại; trình độ văn hóa: không biết chữ (biết ký tên, ghi họ tên); dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê V T (chết) và bà: Lê T B (chết); hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con; tiền sự: không;

Tiền án: 01- Bản án số 294/2018/HS- ST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” và 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành là 03 năm 06 tháng tù;

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày: 31/12/2020. (có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi/ghĩa vụ liên quan:Chị Lê Thị C B, sinh năm: 2001;

Địa chỉ: khu phố 8, phường H, thành phố T, Thành phố M; (vắng mặt);

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê N H sử dụng ma túy từ tháng 8/2020 nên vào ngày 28/12/2020, Lê N H đến công viên 23/9, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh gặp một người đàn ông (không rõ lai lịch) chạy xe ôm và mua 01 gói ma túy đá với giá 500.000 đồng rồi đem về phòng trọ của H thuê tại địa chỉ nhà không số, hẻm 30 đường Tam B, khu phố 8, phường H, thành phố T, Thành phố M rồi phân ra được 06 gói nhỏ để H vừa sử dụng, vừa bán lại cho người nghiện với giá 300.000 đồng/01 gói để kiếm lời. H sử dụng điện thoại di động hiệu Huawei số sim 0565110527 và 093444416 để làm phương tiện liên lạc mua bán ma túy;

Ngày 31/12/2020, Lê Thị C B (sinh năm: 2001) dùng điện thoại sim số 0938831743 gọi vào số điện thoại 093444416 của H đặt mua 01 gói ma túy giá 300.000 đồng để sử dụng, H đồng ý. H hẹn B đến hẻm 30 đường T, khu phố 8, phường H, thành phố T, Thành phố M để thực hiện việc mua, bán ma túy. Tại địa điểm này, khi B đang đếm tiền mua ma túy để đưa cho H, H đang cầm 01 gói nylon có chứa ma túy trong lòng bàn tay trái chuẩn bị đưa cho B thì bị Công an phường H, thành phố T, Thành phố M phát hiện nên H thả gói ma túy xuống đất ngay nơi H đang đứng. Công an phường H, thành phố T, Thành phố M lập Biên bản bắt quả tang thu giữ 01 gói ma túy nơi H thả xuống đất, niêm phong vật chứng để trưng cầu giám định;

Khám xét khẩn cấp nơi ở của H tại nhà không số, hẻm 30 đường T B, khu phố 8, phường H, thành phố T, Thành phố M thu giữ:

- 01 cái bóp màu hồng bên trong có 04 gói nylon chứa tinh thể không màu được thu giữ trên tường trong phòng trọ của H;
- 01 gói nylon chứa tinh thể không màu thu giữ dưới đất ngay đầu giường nằm trong phòng trọ của H;

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Đức, qua đối chất và lấy lời khai, H và B cùng khai trước khi bắt quả tang, vào ngày 30/12/2020 cũng tại địa điểm nói trên H đã bán 01 gói ma túy tổng hợp với giá 300.000 đồng cho Lê Thị C B;

Tại bản Cáo trạng số 239/CT-VKS ngày 09/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê N H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Lê N H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo Lê N H;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê N H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê N H từ 08 năm đến 09 năm tù giam;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên ..tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ thu thập được và kết quả tranh luận tại phiên tòa có đủ căn cứ kết luận hành vi phạm tội cụ thể của bị cáo như sau:

Trong quá trình điều tra ban đầu, bị cáo Lê N H đã khai nhận vào hồi 11 giờ 10 phút ngày 31/12/2020 đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy 01 gói Methamphetamine cho Lê Thị C B với giá 300.000 đồng thì bị Công an phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bắt quả tang, khám xét nơi ở của bị cáo thu giữ 04 gói nylon chứa tinh thể không màu trong cái bóp màu hồng treo trên tường trong phòng trọ của bị cáo và 01 gói nylon chứa tinh thể không màu thu giữ dưới đất ngay đầu giường nằm trong phòng trọ của bị cáo. Số ma túy bán cho B và bị thu giữ; bị cáo H khai nhận mục đích vừa sử dụng vừa bán kiếm lời. Ngoài ra, bị cáo khai nhận là có bán ma túy cho B 01 gói Methamphetamine giá 300.000 đồng vào ngày 30/12/2020 tại hẻm 30 đường T, khu phố 8, phường H, thành phố T, Thành phố M;

Tuy nhiên, tại Biên bản hỏi cung ngày 03/6/2021, Bản tự khai ngày 03/6/2021 thì bị cáo không thừa nhận ngày 30/12/2020 đã bán cho B 01 gói Methamphetamine cho Lê Thị C B với giá 300.000 đồng tại hẻm 30 đường T, khu phố 8, phường H, thành phố T, Thành phố M mà khai nhận là B có nhờ bị cáo mua ma túy dùm nên bị cáo gọi điện thoại cho Th (không nhớ số điện thoại và không rõ lai lịch) là bạn ngoài xã hội giới thiệu B mua ma túy của Th.

Căn cứ vào Biên bản ghi lời khai ngày 31/12/2020 đối với bị cáo; Biên bản đối chất ngày 31/12/2020 giữa bị cáo- Lê Thị C B thì bị cáo đều thừa nhận đã bán ma túy cho B 02 lần vào ngày 30 và 31/12/2020- mỗi lần là 01 gói Methamphetamine giá 300.000 đồng; đồng thời, B cũng thừa nhận đã mua ma túy của bị cáo H 02 lần vào ngày 30 và 31/12/2020, mỗi lần là 01 gói Methamphetamine giá 300.000 đồng. Do đó, bị cáo phủ nhận không bán 01 gói Methamphetamine giá 300.000 đồng cho B vào ngày 30/12/2020 là không có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ vào Kết luận giám định số 346/KHGD- H ngày 07/01/2021 của Phòng kỹ thuật Hình sự- Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Gói 1: Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu  $m_1$  cần giám định (đã nêu mục II.1) là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,2511gam, loại Methamphetamine;

- Gói 2: Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu  $m_2$  cần giám định (đã nêu ở mục II.1) đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0,9267gam, loại Methamphetamine;

- Gói 3: Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu  $m_3$  cần giám định (đã nêu ở mục II.1) đều là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,1866gam, loại Methamphetamine;

Như vậy, căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo, được xác định phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tang vật chứng thu giữ được. Đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê N H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Hành vi phạm tội của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách Nhà nước về độc quyền quản lý các chất ma túy, không những gây ảnh hưởng đến trật tự trị an, tình hình an ninh- kinh tế- chính trị mà còn làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác gây khó khăn trong công tác phòng chống tội phạm của Nhà nước. Vì vậy, đối với tội phạm ma túy cần phải có mức án nghiêm khắc trước pháp luật.

Trong vụ án này, số ma túy bị cáo bán cho Lê Thị C B và khi khám xét nơi ở thu giữ của bị cáo có tổng khối lượng 1.3644gam (0,2511 gam+ 1,1133 gam), loại Methamphetamine. Ngoài lần bán ma túy cho B 01 gói Methamphetamine giá 300.000 đồng vào lúc 13 giờ 00 phút ngày 31/12/2020 bị bắt quả tang thì ngày 30/12/2020 bị cáo đã bán cho B 01 gói Methamphetamine giá 300.000 đồng. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo là phạm tội 02 lần trở lên. Đây là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 của điều luật đã viện dẫn.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội rất nghiêm trọng nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội; tuy nhiên, trong quá trình điều tra và truy tố bị cáo không có ý kiến gì nội dung Bản kết luận điều tra và Cáo trạng; đồng thời tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 09/12/2021, bị cáo trình bày không có ý kiến gì về bản cáo trạng nên Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo tình tiết nhẹ trách nhiệm hình là khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; giảm cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[4] Xử lý vật chứng:

Thu giữ của bị cáo vật chứng sau đây:

- 01 gói niêm phong vụ 141/2021 có chữ ký của GDV P T Q, bên trong là ma túy còn lại sau giám định. Xét thấy, vật chứng trên là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Huawei, số sim 0565110527 và 0934444161- vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

- 01 xe mô tô biển số 54R2- 6330, nhãn hiệu: Honda; số loại: Wave RSX; màu sơn: đỏ đen; số máy: HC12E2101059; số khung: RLHHC12338Y623259. Qua điều tra, xác minh chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe trên là bà V T L, sinh năm 1956; địa chỉ: 182/33 L V S, phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; bà Long có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên nhưng không thực tế cư trú; hiện không rõ nơi cư trú nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Đức không lấy lời khai được. Bị cáo trình bày chiếc xe trên bị cáo mượn của một người tên Công (không rõ lai lịch) để sử dụng xe đi bán ma túy thì bị bắt giữ;

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay chiếc xe nêu trên không xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên Hội đồng xét xử quyết định giao Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức đăng báo tìm chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe trên trong thời hạn 06 tháng, nếu chủ sở hữu hợp pháp không đến nhận thì tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Thu giữ của Lê Thị C B:

- Số tiền 300.000 đồng được B sử dụng vào việc mua ma túy nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia số sim: 0938831743- vật chứng này là công cụ, phương tiện phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước;

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Ngoài ra, căn cứ vào mức độ và hậu quả do bị cáo gây ra, cần vận dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 phạt bị cáo nộp số tiền tương ứng với hành vi phạm tội để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với người đàn ông (không rõ lai lịch) là người bán ma túy cho bị cáo đến nay chưa xác định được; Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Đức tiếp tục xác minh điều tra khi nào làm rõ sẽ xử lý theo quy định pháp luật;

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lê N H** phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.
2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.  
Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo **Lê N H 08 (Tám)** năm tù . Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ: 31/12/2020;

Áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt tiền bổ sung bị cáo **Lê N H** số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

\* Tịch thu tiêu hủy:

- 01 gói niêm phong vụ 141/2021 có chữ ký của GĐV P T Q, bên trong là ma túy còn lại sau giám định;

\* Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

- 01 điện thoại di động hiệu Huawei, số sim: 0565110527 và 0934444161;

- Số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia số sim: 0938831743;

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số NKT2021/177, ngày 25/6/2021 và số NKT2021/43, ngày 16/12/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và theo Giấy nộp tiền ngày 19/01/2021 vào tài khoản số 394901054723 của Chi cục Thi hành dân sự thành phố Thủ Đức tại Kho bạc Nhà nước Thủ Đức);

\* Giao Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức đăng báo tìm chủ sở hữu hợp pháp chiếc 01 xe mô tô biển số 54R2- 6330; số máy: HC12E2101059; số khung: RLHHC12338Y623259 trong thời hạn 06 tháng, nếu chủ sở hữu hợp pháp không đến nhận thì tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số NKT2021/182, ngày 07/7/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

4. Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Thủ Đức;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan CSĐT Công an TP. Thủ Đức;
- Cơ quan THA.HS Công an TP. Thủ Đức;
- Chi cục THA.DS TP.Thủ Đức;
- Bị cáo;
- NCQL, NVLQ
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**Vũ Thị Thúy Nga**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thị Thúy Nga**





**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thị Thúy Nga**



